

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST

Ngày: 19-8-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Quang Trung.
- Ông Trần Thanh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2024/TLST-KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1; Địa chỉ: Số G, tỉnh lộ Võ Văn Kiệt, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Văn Ú, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Số H, Chu Văn A, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang. Là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 14/11/2023).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Lê L1, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông Ú có mặt; bà L, ông L1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn ông Võ Văn Ú trình bày:

Ngày 02/01/2023, bà L có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) với Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng nếu quá hạn thanh toán. Bà L mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật về bán lại cho bà

con nông dân để kiếm lợi nhuận, trong quá trình mua bán thì ông L1 là chồng bà L có ký xác nhận nợ và biết việc mua bán giữa bà L với công ty.

Tính đến tháng 5/2023, bà L còn nợ công ty số tiền gốc là 117.971.000 đồng. Sau đó, bà L có trả cho Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1 số tiền 30.000.000 đồng, hiện còn nợ số tiền gốc 87.971.000 đồng.

Nay ông Ú xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông Ú yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Nguyễn Lê L1 phải liên đới trả cho Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1 số tiền gốc 87.971.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ông Ú không đồng ý cho ông L1, bà L trả nợ dần.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc L vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lê L1 trình bày:

Ngày 02/01/2023, vợ chồng ông có thỏa thuận mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật với Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1, bà L là người đại diện ký hợp đồng. Trong quá trình mua bán, các bên không có tranh chấp về chủng loại và chất lượng hàng hóa, tính đến tháng 5/2023 thì vợ chồng ông còn nợ Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1 số tiền 117.971.000 đồng, sau đó vợ chồng ông có trả được số tiền 30.000.000 đồng, hiện còn nợ số tiền gốc 87.971.000 đồng.

Nay ông đồng ý liên đới với bà L trả cho Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1 số tiền 87.971.000 đồng nhưng ông xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành hành đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Công ty TNHH T1 – Chi nhánh Đ1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Nguyễn Lê L1 phải liên đới trả cho công ty số tiền nợ mua bán gốc là 87.971.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận vì: Căn cứ vào Hợp đồng mua bán hàng hoá số: 2/VNF/2023/2023-2026 ngày 02/01/2023 do ông Triệu Quốc Đ đại diện công ty ký kết với hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị Trúc L (Đại lý Ngọc T), biên bản đối chiếu công nợ có chữ ký của bà Trúc L và ông L1. Đồng thời, ông L1 cũng thừa nhận còn nợ Công ty TNHH T1 – Chi nhánh Đ1 số tiền nợ gốc là 87.971.000 đồng và ông L1 đồng ý liên đới với bà Trúc L trả cho công ty số tiền 87.971.000. Do đó yêu cầu của công ty là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 280, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 50, 55 Luật kinh doanh thương mại 2005.

- Ông L1 thừa nhận có nợ của công ty số tiền 87.971.000 đồng và đồng ý liên đới với bà Trúc L trả cho công ty là sự tự nguyện nên được ghi nhận. Đối với ý kiến

của ông L1 xin Công ty TNHH T1 – Chi nhánh Đ1 trả dần mỗi tháng trả số tiền 5.000.000 đồng đến khi trả hết nợ là không có cơ sở chấp nhận vì: vợ chồng ông có ký kết hợp đồng mua bán với công ty, do ông và bà L vi phạm về nghĩa vụ trả tiền, hơn nữa công ty cũng không đồng ý cho việc trả dần nên yêu cầu của ông L1 không có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các Điều 30, 35, 39, 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà L, ông L1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà L, ông L1 nhưng bà L và ông L1 vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà L, ông L1 theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Đại diện nguyên đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1 xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện là phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Nguyễn Lê L1 phải liên đới trả cho công ty số tiền 87.971.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Ông L1 đồng ý liên đới với bà L trả cho công ty số tiền gốc 87.971.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Việc mua bán giữa Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1 với bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Nguyễn Lê L1 là phù hợp theo quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại, trong quá trình mua bán các bên không có tranh chấp về chất lượng và chủng loại hàng hóa. Ông L1 thừa nhận nợ và đồng ý liên đới với bà L trả cho công ty số tiền gốc 87.971.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành sao gửi chứng cứ do Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1 cung cấp cho bà L tiếp cận chứng cứ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Tòa án tiến hành thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà L biết. Tuy nhiên, bà L không phản đối với chứng cứ do công ty cung cấp và bà L cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc không mua bán với công ty. Đồng thời, ông L1 là chồng bà L cũng thừa nhận vợ chồng ông còn nợ công ty số tiền 87.971.000 đồng.

Vì vậy, việc bà L còn nợ Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1 số tiền 87.971.000 đồng là sự thật.

Nay ông **Ú** yêu cầu bà **L**, ông **L1** phải liên đới trả cho **Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1** số tiền 87.971.000 đồng là có căn cứ theo Điều 50 của Luật Thương mại.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 50 của Luật Thương mại thì “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận; Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật”.

[3.3] Ông **L1** xin trả nợ dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Xét thấy: tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý cho ông **L1** và bà **L** trả nợ dần. Mặt khác, pháp luật không quy định việc cho trả nợ dần nên đề nghị của ông **L1** không được chấp nhận.

[3.4] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[3.5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của **Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1** được chấp nhận nên bà **L** và ông **L1** phải liên đới chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho công ty.

Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1 không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho công ty.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 40, 147, 235, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 288 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 24, 50, 306 Luật Thương mại năm 2005.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1** đối với bà **Nguyễn Thị Trúc L**, ông **Nguyễn Lê L1** về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Bà **Nguyễn Thị Trúc L** và ông **Nguyễn Lê L1** có nghĩa vụ liên đới trả cho **Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1** số tiền 87.971.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận 1%/tháng quy định tại Điều 4 của hợp đồng mua bán hàng hóa số 2/VNF/2023-2026, ngày 02/01/2023.

2. Về án phí:

Bà **Nguyễn Thị Trúc L** và ông **Nguyễn Lê L1** phải liên đới chịu 4.398.000 đồng (đã làm tròn) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1 không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại cho **Công ty TNHH T1, chi nhánh Đ1** 2.950.000

đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002010 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh; **(Đã ký)**
- Chi cục THA DS;
- Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Dũng